

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 001_DHI4CK_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi RD303

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

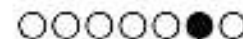
Lớp DH09CD17 (Đại học Chính quy (Tín chỉ)-Cơ điện tử-2009)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	09153007	Nguyễn Văn Huỳnh	DH09CD17	<i>Huỳnh</i>		0	0	3	1,8	0001234567890	0123456789
2	09153053	Phùng Đăng Khoa	DH09CD17	<i>Khoa</i>		7	2	3	3,6	0001234567890	0123456789
3	09153068	Lê Hoài Phong	DH09CD17	<i>Phong</i>		7	4	3	4	0001234567890	0123456789
4	12153140	Võ Văn Quốc Anh	DH12CD	<i>Anh</i>		7	5	4,5	5,1	0001234567890	0123456789
5	13138021	Trần Thanh Vinh	DH13TD	<i>Vinh</i>		5	3	2,5	3,1	0001234567890	0123456789
6	13138263	Hạp Tiến Hoàng	DH13TD	<i>Hoàng</i>		9	5	5,5	6,1	0001234567890	0123456789
7	13153014	Trịnh Đình Minh	DH13CD	<i>Minh</i>		7	2	5	4,8	0001234567890	0123456789
8	13153023	Tăng Thành Thảo	DH13CD	<i>Thảo</i>		6	4	3,5	4,1	0001234567890	0123456789
9	13153036	Nguyễn Xuân ất	DH13CD	<i>ất</i>		9	3	5,5	5,7	0001234567890	0123456789
10	13153223	Trần Hữu Thọ	DH13CD	<i>Thọ</i>		5	3,5	6	4,7	0001234567890	0123456789
11	13153256	Lê Xuân Tuấn	DH13CD	<i>Tuấn</i>		6	3	6,5	5,7	0001234567890	0123456789
12	13153269	Võ Thành Văn	DH13CD	<i>Văn</i>		7	3	2	3,2	0001234567890	0123456789
13	13154177	Đinh Mai Bắc Thái	DH13OT	<i>Thái</i>						0001234567890	0123456789
14	14118002	Lê Văn Thế Anh	DH14CC	<i>Anh</i>		9	4	7,5	7,1	0001234567890	0123456789
15	14118011	Nguyễn Anh Duy	DH14CC	<i>Duy</i>		8	5,5	5	5,7	0001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05108



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 001_DHI4CK_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi RD303

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp

DHI4CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14118012	Phạm Đăng Duy	DHI4CC			8	5	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
17	14118014	Nguyễn Bảo Dâm	DHI4CC			8	6	9	8,2	0012345678910	0123456789
18	14118016	Phạm Tấn Đạt	DHI4CK			8	0	5	4,4	0012345678910	0123456789
19	14118024	Phạm Thanh Hiền	DHI4CC							0012345678910	0123456789
20	14118026	Nguyễn Đức Hiếu	DHI4CK			9	4	2	3,8	0012345678910	0123456789
21	14118044	Cao Hữu Nhân	DHI4CK			8	1	3,5	3,9	0012345678910	0123456789
22	14118046	Nguyễn Phúc Bảo Nhi	DHI4CC			8	5	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
23	14118052	Châu Hoàng Phúc	DHI4CK			8	4	8,5	7,5	0012345678910	0123456789
24	14118053	Ngô Tấn Phúc	DHI4CK			6	2	4	4,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 22. Số sinh viên vắng: 2.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 002_DHI14CK_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi RD201

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp DHI14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118093	Trần Phước Vinh	DHI14CK	<i>Luân</i>		9	6	8	7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	14118098	Đỗ Tuấn Anh	DHI14CK	✓	✓					○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	14118105	Nguyễn Văn Bình	DHI14CC	<i>BV</i>		5	1	0	1,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	14118108	Trần Văn Bốn	DHI14CK	<i>Trần</i>		6	3	4	4,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	14118118	Phạm Đức Công	DHI14CC	<i>Phạm</i>		9	5	2,5	4,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	14118120	Nguyễn Minh Cường	DHI14CK	<i>Minh</i>		7	7	2,5	4,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	14118131	Lê Văn Dương	DHI14CK	<i>Dương</i>		9	2	3	4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	14118134	Nguyễn Văn Đại	DHI14CK	<i>Đại</i>		8	3	6,5	6,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	14118149	Hà Văn Giao	DHI14CC	<i>Giao</i>		3	1,5	0	0,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	14118164	Tôn Nhật Hoàng	DHI14CK	<i>Hoàng</i>		8	3	5	5,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	14118166	Vô Văn Hòa	DHI14CK	<i>Hòa</i>		7	3,5	3	3,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	14118170	Bùi Quang Huy	DHI14CK	<i>Huy</i>		9	1	5	5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	14118186	Phạm Anh Khoa	DHI14CK	<i>Khoa</i>		8	3	2,5	3,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	14118207	Nguyễn Lê Nguyên	DHI14CK	<i>Nguyên</i>		3	3	3	3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	14118218	Phạm Thanh Phong	DHI14CK	<i>Phong</i>		8	2	6,5	5,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 05109



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 002_DH14CK_02

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi RD201

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp

DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14118236	Nguyễn Văn Sang	DH14CK			6	4	3	3,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14118238	Trương Tuấn Sang	DH14CC			8	4	7	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14118254	Nguyễn Hữu Thái	DH14CC			9	5	7	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	14118274	Trần Văn Thường	DH14CC			8	4,5	8,5	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14118280	Nguyễn Minh Tri	DH14CK			4	1	1,5	1,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14118294	Nguyễn Phi Trường	DH14CK			8	3	2	3,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14118312	Hà Thánh Vĩ	DH14CK			9	4	7	6,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14118319	Lê Anh Tuấn	DH14CC			8	2	5	5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14138016	Phạm Đăng Khôi	DH14TD			7	3	2,5	3,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14153049	Nguyễn Thanh Tâm	DH14CD			6	1,5	1	2,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi: 24. Số sinh viên vắng: 1.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

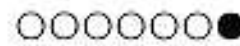
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Dũng

Lê Quang Tiến

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 001_DH14CK_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi RD302

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trung I

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12138123	Nguyễn Tấn Nghiêm	DH12TD			9	5	0,5	3,1	001234567890	0123456789
2	12153031	Lê Văn Cảnh	DH12CD			9	4	3,5	4,8	001234567890	0123456789
3	13118047	Phạm Minh Tài	DH13CK			8	2	2,5	3,3	001234567890	0123456789
4	13118078	Trịnh Quốc Bảo	DH13CK			8	2	1,5	2,9	001234567890	0123456789
5	13118105	Trần Tùng Dương	DH13CK			8	2	2,5	3,5	001234567890	0123456789
6	13118186	Đào Xuân Khôi	DH13CK			8	3	2,5	3,8	001234567890	0123456789
7	13138033	Dương Minh Cương	DH13TD			8	6	1	3,2	001234567890	0123456789
8	13138156	Nguyễn Hồng Phúc	DH13TD			9	3	5	5,4	001234567890	0123456789
9	13153004	Trương Nguyễn Tiến Đạt	DH13CD		✓					001234567890	0123456789
10	13153161	Cao Đình Nguyên	DH13CD		✓					001234567890	0123456789
11	13153176	Huỳnh Nguyễn Phúc	DH13CD			8	3	3,5	4,1	001234567890	0123456789
12	13153260	Nguyễn Huy Tuệ	DH13CD			8	4	3	4,2	001234567890	0123456789
13	14118001	Bùi Văn An	DH14CK			8	5	6,5	6,5	001234567890	0123456789
14	14118007	Vũ Văn Cảnh	DH14CK			9	3	2,5	6,9	001234567890	0123456789
15	14118019	Nguyễn Hùng Giang	DH14CC			9	5	6	6,4	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05110



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 001_DH14CK_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 14:45

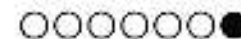
Phòng Thi RD302

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118025	Lê Quang Hiên	DH14CK			9	5	2	4	0012345678910	0123456789
17	14118027	Nguyễn Đại Hoàng	DH14CK			8	5	4	5	0012345678910	0123456789
18	14118030	Nguyễn Đức Huy	DH14CK			7	6	1	3,2	0012345678910	0123456789
19	14118034	Đinh Đức Kiên	DH14CK			7	6	2	3,8	0012345678910	0123456789
20	14118047	Nguyễn Hữu Phát	DH14CC			7	6	8	7,4	0012345678910	0123456789
21	14118057	Tạ Minh Quân	DH14CK			8	4	1,5	3,3	0012345678910	0123456789
22	14118058	Hà Trọng Quốc	DH14CK			7	3	2,5	3,5	0012345678910	0123456789
23	14118062	Đỗ Văn Tâu	DH14CK			9	5	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
24	14118067	Nguyễn Kiều Minh	DH14CK			7	4	0,5	2,5	0012345678910	0123456789
25	14118072	Nguyễn Gia Thuật	DH14CK			8	6,5	2,5	4,4	0012345678910	0123456789
26	14118084	Ngô Văn Trung	DH14CK		✓					0012345678910	0123456789
27	14118090	Lê Văn Tùng	DH14CK			8	3	2,5	3,7	0012345678910	0123456789
28	14118102	Hồ Chí Bảo	DH14CK			8	5	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
29	14118103	Nguyễn Hoài Bảo	DH14CK			7	6	5,5	5,9	0012345678910	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm **Cơ lưu chất (207202) - 002_DH14CK_03**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi **23/06/2016**

Giờ Thi: **14:45**

Phòng Thi **CT101**

Giảng viên: **Nguyễn Huy Bích**

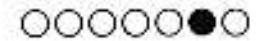
Lớp **DH14CK (Cơ khí nông lâm)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118109	Đào Hữu Cảnh	DH14CK			8	5	6	6,2	0012345678910	0123456789
2	14118116	Trương Chiến	DH14CK			8	4	5	5,4	0012345678910	0123456789
3	14118132	Nguyễn Võ Trí Dương	DH14CK			8	5	4	5	0012345678910	0123456789
4	14118135	Nguyễn Phát Đạt	DH14CC			9	6	6	6,6	0012345678910	0123456789
5	14118150	Bùi Ngọc Hải	DH14CK							0012345678910	0123456789
6	14118158	Vũ Văn Hiếu	DH14CK			8	4	5	5,2	0012345678910	0123456789
7	14118160	Vô Đức Hiệp	DH14CC			8	4	4	4,8	0012345678910	0123456789
8	14118162	Bùi Xuân Hoàng	DH14CK			9	4	4	5	0012345678910	0123456789
9	14118167	Nguyễn Văn Hòa	DH14CC			8	5	5	5,6	0012345678910	0123456789
10	14118168	Nguyễn Thái Học	DH14CK			8	4	4,5	5,1	0012345678910	0123456789
11	14118177	Phạm Ngọc Hưng	DH14CK			8	3	6	5,8	0012345678910	0123456789
12	14118188	Trần Nguyễn Phương Khôi	DH14CK			9	4	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
13	14118190	Huỳnh Công Lân	DH14CK			8	4	1,5	3,3	0012345678910	0123456789
14	14118191	Trần Hoài Linh	DH14CK			9	5	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
15	14118192	Lê Thành Long	DH14CK			9	5	4	5,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05111



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 002_DH14CK_03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi CT101

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

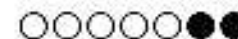
Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14118200	Phạm Quang	Nam	DH14CK	<i>Quang</i>	7	3	1,5	2,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14118217	Đỗ Thanh	Phong	DH14CK	<i>Thanh</i>	8	5	4	5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14118221	Nguyễn Thanh	Phương	DH14CK	<i>Thanh</i>	8	4	6	6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	14118222	Nguyễn Thành	Phương	DH14CC	<i>Phuong</i>	7	0	1	3,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14118223	Phạm Hoàng	Phương	DH14CK	<i>Phuong</i>	7	3	3,5	4,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14118239	Văn Công	Sĩ	DH14CK	<i>Sy</i>	7	4	2,5	3,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14118240	Trịnh Văn	Son	DH14CK	<i>Son</i>	7	7	3	4,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14118245	Trần Văn	Tại	DH14CK	<i>Tai</i>	9	6	6,5	6,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14118265	Nguyễn Văn	Thịnh	DH14CC	<i>Thinh</i>	8	3	4	4,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14118266	Phan Minh	Thoại	DH14CK	<i>Minh</i>	9	5	4,5	5,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14118267	Nguyễn Hoàng	Thông	DH14CK	<i>Hoang</i>	7	7	3,5	4,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	14118268	Nguyễn Nhật	Thông	DH14CK	<i>Nhat</i>	8	8	3	5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	14118292	Nguyễn Tấn	Truyền	DH14CK	<i>Tan</i>	7	6	2,5	4,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	14118293	Lê Văn	Trùng	DH14CK	<i>Trung</i>	8	5	5,5	5,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	14118304	Phạm Thanh	Tùng	DH14CK	<i>Thanh</i>	9	3	8,6	8,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 05111



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 002_DH14CK_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi CT101

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	14118305	Trương Thanh Tùng	DH14CK			8	5	3,5	4,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	14118311	Trần Xuân Vinh	DH14CK			9	7	7	7,4	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	14118313	Hoàng Tuấn Vũ	DH14CK			8	4	6	6	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	14118314	Lương Trọng Vũ	DH14CK			7	6	7	6,8	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	14118317	Phạm Ngọc Châu	DH14CC			8	3,5	7,5	6,8	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	14118322	Nguyễn Duy Xuân	DH14CK			8	4	3	4,2	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
37	14138054	Phạm Đình Hùng	DH14CD			5	5	5,5	5,9	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
						8	5	8	7,4		
						8	4	6,5	6,3		
40	14153059	Phạm Ngọc Tuyển	DH14CD			8	6	5	5,8	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	14154060	Tăng Quốc Tiến	DH14OT			4	6	6,5	5,9	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
42	15138045	Bùi Minh Nhật	DH15TD			9	7	3,5	5,3	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	15153019	Nguyễn Nhật Hào	DH15CD			7	4	3	4	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ luận chất (207202) - 001 DH15CD 05

Số Tin Ch 2

Ngày Thi: 23/06/2016

Giờ Thứ: 14:45

Phong Thi RD106

Giang viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

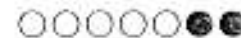
Frame 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14153022	Trần Tuấn Kiệt	DH14CD			8	4	4,5	5,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15118036	Nguyễn Trọng Hiếu	DH15CK			6	7	1,5	3,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	15118044	Huỳnh Quốc Khanh	DH15CC			8	2	0	2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15118045	Đạ Đức Anh Khoa	DH15CK			5	5	5,5	5,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	15153001	Nguyễn Tài Anh	DH15CD							○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	15153002	Dương Ngọc Bảo	DH15CD							○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15153003	Đào Lưu Bình	DH15CD			8	2	0	2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	15153004	Nguyễn Phan Hải Vư	Bình			9	5	2	4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15153005	Mai Tuấn Cường	DH15CD			9	8	5	6,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15153006	Phan Hữu Dũng	DH15CD			8	6	6,5	6,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15153007	Lê Công Danh	DH15CD			8	4	0	2,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15153008	Lê Bá Tiến Đạt	DH15CD			0	0	0	0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15153009	Nguyễn Tiến Đạt	DH15CD			7	4	0	2,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15153010	Nguyễn Tấn Đình	DH15CD			8	3	6	5,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15153011	Ngô Phú Đỗ	DH15CD			8	5	2,5	4,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15153012	Huỳnh Đức	DH15CD			8	2,5	1	2,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15153013	Nguyễn Trường	DH15CD			6	4	3	3,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	15153014	Nguyễn Phương	DH15CD			5	3	5	4,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	15153015	Lê Cảnh Trường	DH15CD			8	3	1	2,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	15153016	Sân Thanh	DH15CD			8	2	0,5	2,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	15153017	Trịnh Văn	DH15CD			8	3	1	2,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	15153018	Dương Thành	DH15CD			8	8	1	5,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	15153020	Trịnh Hoàng	DH15CD							○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	15153021	Đặng Trung	DH15CD			8	5	3,5	4,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	15153022	Nguyễn Hoàng	DH15CD			8	4	2,5	6,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	15153023	Lê Trung	DH15CD			8	5	1	3,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	15153025	Nguyễn Minh	DH15CD			8	5	0	2,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	15153026	Nguyễn Trung	DH15CD			9	6	5	6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	15153027	Nguyễn Đức	DH15CD			8	2,5	3	3,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	15153028	Lê Huỳnh	DH15CD			10	2	5,5	5,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 05112



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ học chất (207202) - 001_DH15CD_05

Số Tin CT: 2

Ngày Thi: 23/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: RD106

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp

DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15153030	Hoàng Văn Kỳ	DH15CD	Kỳ.		8	1	1	2,2	0012345678910	0123456789
32	15153032	Huỳnh Tấn Lợi	DH15CD	Lợi		8	1,5	3,5	4	0012345678910	0123456789
33	15153033	Phạm Văn Long	DH15CD	Long		9	6	5	6	0012345678910	0123456789
34	15153034	Trần Minh Long	DH15CD	Long		4	5	6	5,4	0012345678910	0123456789
35	15153035	Vũ Văn Long	DH15CD	Long		8	2	0	1,8	0012345678910	0123456789
36	15153036	Nguyễn Xuân Luận	DH15CD	Luận		6	2	0	1,6	0012345678910	0123456789
37	15153037	Lê Đức Mạnh	DH15CD	Mạnh		9	9	10	9,6	0012345678910	0123456789
38	15153038	Phạm Quốc Nam	DH15CD	-						0012345678910	0123456789
39	15153039	Hồ Thị Thủy Nga	DH15CD	Thủy		9	4	7	6,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 35 Số sinh viên vắng: 4

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lương Hữu

Nguyễn Thị Phương Thảo

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Cơ lưn chắt (207202) - 002_DH15CD_05

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 23/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: HD305

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

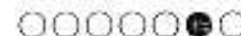
Lớp: DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trung 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15153040	Hồ Văn Nghĩa	DH15CD			8	5	6	6,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15153041	Bùi Hồng Ngọc	DH15CD			8	4	3	4,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	15153043	Nguyễn Văn Sơn	DH15CD			8	3	5	4,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15153044	Nguyễn Văn Nhân	DH15CD			8	3	1	2,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	15153045	Đoàn Minh Nhật	DH15CD							○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	15153046	Phạm Huỳnh Pháp	DH15CD			8	3	2	3,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15153047	Mai Tấn Phát	DH15CD			8	6	1	3,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	15153048	Đinh Hoàng Phương	DH15CD			8	4	4,5	5,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15153049	Thần Trọng Quan	DH15CD			5	5	0	2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15153051	Nguyễn Anh Quân	DH15CD			8	5	0	2,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15153052	Nguyễn Trung Minh	DH15CD			9	7	3	5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15153054	Nguyễn Sỹ	DH15CD			8	3	0	2,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15153055	Nguyễn Thái Tài	DH15CD			9	3	5	5,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15153056	Trần Tấn Tài	DH15CD			9	6	5,5	6,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15153057	Đỗ Thành Tâm	DH15CD			8	6	6,5	6,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 05113



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 002_DH15CD_05

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: HD305

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp

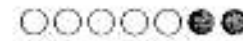
DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	T. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15153059	Lương Văn Tấn	DH15CD							0012345678910	0123456789
17	15153060	Nguyễn Hữu Thạch	DH15CD							0012345678910	0123456789
18	15153061	Nguyễn Công Thành	DH15CD	Nguyễn Công Thành		8	2	0,5	2,3	0012345678910	0123456789
19	15153062	Lâm Minh Thi	DH15CD	Lâm Minh Thi		8	3	1	2,8	0012345678910	0123456789
20	15153064	Nguyễn Hữu Thuận	DH15CD	Nguyễn Hữu Thuận		8	2,5	3	3,8	0012345678910	0123456789
21	15153065	Lê Văn Thường	DH15CD	Lê Văn Thường		8	7	4	5,4	0012345678910	0123456789
22	15153066	Phạm Văn Tiến	DH15CD							0012345678910	0123456789
23	15153067	Trương Văn Tịnh	DH15CD	Trương Văn Tịnh		8	4	3	4,2	0012345678910	0123456789
24	15153068	Nguyễn Huy Toàn	DH15CD	Nguyễn Huy Toàn		8	6	3	4,6	0012345678910	0123456789
25	15153069	Lê Minh Lợi	DH15CD	Lê Minh Lợi		9	2	5	5,2	0012345678910	0123456789
26	15153070	Lê Bà Trọng	DH15CD	Lê Bà Trọng		8	3	1	2,8	0012345678910	0123456789
27	15153071	Hồ Thái Trung	DH15CD	Hồ Thái Trung		6	4	1	2,6	0012345678910	0123456789
28	15153072	Vô Văn Truyền	DH15CD	Vô Văn Truyền		8	4	9	7,8	0012345678910	0123456789
29	15153073	Nguyễn Anh Tuấn	DH15CD	Nguyễn Anh Tuấn		8	4	7	6,6	0012345678910	0123456789
30	15153074	Trương Khắc Viện	DH15CD	Trương Khắc Viện		8	0	5	4,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05113



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Cơ bản chất (207202) - 002_DH15CD_05

Số Tin CP 2

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi HD305

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15153076	Nguyễn Thanh Vũ	DH15CD			9	3	15	3,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	15153077	Trịnh Quốc Vương	DH15CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	15154037	Huỳnh Trọng Nhiên	DH15OT			4	3	2	2,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	15154073	Đương Võ Duy	DH15OT			5	1	3	3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi 29. Số sinh viên vắng 5

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

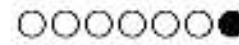
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

 N.Y. Kiệp

 Ngô Hải Đăng

 PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Máy và thiết bị phân ly (207214) - 001_DH13CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 07/06/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi CT102

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp

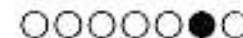
DH12CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 80 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12118002	Bùi Văn Hải	DH12CC			1	1,5	4	6,5	0001234567890	0123456789
2	12118008	Lương Hữu Minh	DH12CC			1	1,8	1,5	4,3	0001234567890	0123456789
3	12118021	Bùi Xuân Lâm	DH12CC			1	1,5	3,5	6,0	0001234567890	0123456789
4	12118068	Võ Văn Nhân	DH12CC			1	1,8	4,2	7,0	0001234567890	0123456789
5	12118080	Nguyễn Đức Trọng	DH12CC			1	1,5	1,5	4,0	0001234567890	0123456789
6	12118101	Nguyễn Thanh Tùng	DH12CC			1	1,8	3,0	5,8	0001234567890	0123456789
7	12118105	Nguyễn Thanh Vinh	DH12CC			1	1,8	2,5	5,3	0001234567890	0123456789
8	12118106	Phạm Vĩnh Vũ	DH12CC			1	1,5	3,5	6,0	0001234567890	0123456789
9	12118111	Lê Minh Hải	DH12CC			1	1,5	2,5	5,0	0001234567890	0123456789
10	12118114	Tô Ngọc Quang	DH12CC			1	1,8	5,0	7,8	0001234567890	0123456789
11	13118004	Nguyễn Thế Bảo	DH13CC			1	1,5	2,5	5,0	0001234567890	0123456789
12	13118005	Đỗ Thành Chung	DH13CC			1	1,8	4,3	7,0	0001234567890	0123456789
13	13118014	Bùi Văn Hào	DH13CC			1	1,8	3,5	6,3	0001234567890	0123456789
14	13118019	Vũ Xuân Hoàng	DH13CC			1	1,5	4,5	7,0	0001234567890	0123456789
15	13118023	Đoàn Nguyễn Anh Kim	DH13CC			1	1,8	1,5	4,3	0001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05117



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Máy và thiết bị phân ly (207214) - 001_DH13CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 07/06/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi CT102

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

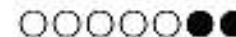
Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13118026	Nguyễn Hoàng Linh	DH13CC			1	1,5	4,5	7,0	001234567890	0123456789
17	13118031	Trương Minh Nghĩa	DH13CC			1	1,8	5,5	8,3	001234567890	0123456789
18	13118037	Nguyễn Nhật	DH13CC			1	1,5	4,8	7,3	001234567890	0123456789
19	13118038	Trần Cảnh Phú	DH13CC			1	1,8	3,3	5,1	001234567890	0023456789
20	13118043	Ngô Thành Quốc	DH13CC			1	1,8	2,5	5,3	001234567890	0123456789
21	13118046	Kim Thái Sơn	DH13CC			1	1,5	3,3	5,8	001234567890	0123456789
22	13118052	Cao Ngọc Thận	DH13CC			1	1,8	5,8	8,6	001234567890	0123456789
23	13118053	Trần Thế Thiện	DH13CC			1	1,8	5,3	8,1	001234567890	0123456789
24	13118056	Võ Đức Tiến	DH13CC			1	1,5	1,0	3,5	001234567890	0123456789
25	13118061	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC			1	1,8	3,8	6,6	001234567890	0123456789
26	13118063	Lê Văn Tươi	DH13CC			1	1,5	5,5	8,0	001234567890	0123456789
27	13118065	Lương Hoài Vinh	DH13CC			1	1,8	5,3	8,1	001234567890	0023456789
28	13118066	Nguyễn Thế Vũ	DH13CC			1	1,8	4,0	6,8	001234567890	0123456789
29	13118074	Võ Đặng Phạm Anh	DH13CC			1	1,5	1,0	3,5	001234567890	0123456789
30	13118080	Nguyễn Phúc Bạo	DH13CC			1	1,8	4,0	6,8	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05117



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Máy và thiết bị phân ly (207214) - 001_DH13CC_01**

Số Tín Chi 2

Ngày Thi 07/06/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi CT102

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp **DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13118089	Bùi Thanh Cường	DH13CC		1	1	1,8	98	3,5	0001204567890	0123456789
32	13118096	Mai Thành Duy	DH13CC			1	1,5	1,8	4,3	0001234567890	0123456789
33	13118100	Trịnh Nguyễn Minh	DH13CC			1	1,8	4,3	7,0	0001234567890	0123456789
34	13118101	Đoàn Quốc Dũng	DH13CC			1	1,5	4,5	7,0	0001234567890	0123456789
35	13118109	Phạm Đại	DH13CC		✓					0001234567890	0123456789
36	13118110	Phạm Minh Đạt	DH13CC			1	1,8	4,3	4,1	0001234567890	0123456789
37	13118113	Phạm Thành Đạt	DH13CC			1	1,5	9,0	2,5	0001234567890	0123456789
38	13118114	Trần Minh Đạt	DH13CC			1	1,8	3,3	6,1	0001234567890	0123456789
39	13118120	Trần Cư Được	DH13CC			1	1,5	4,5	7,0	0001234567890	0123456789
40	13118126	Lê Xuân Hà	DH13CC			1	1,8	4,0	6,9	0001234567890	0123456789
41	13118138	Nguyễn Văn Hiếu	DH13CC			1	1,8	5,0	7,8	0001234567890	0123456789
42	13118146	Nguyễn Quốc Hòa	DH13CC			1	1,5	3,8	6,3	0001234567890	0123456789
43	13118152	Bùi Văn Hợi	DH13CC			1	1,8	5,0	7,8	0001234567890	0123456789
44	13118162	Huỳnh Đức Hùng	DH13CC			1	1,8	4,5	7,3	0001234567890	0123456789
45	13118168	Phạm Văn Hùng	DH13CC		✓					0001234567890	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Máy và thiết bị phân ly (207214) - 002_DH13CC_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 07/06/2016

Giờ Thi: 07:(M)

Phòng Thi HD201

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp

DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trans 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118170	Huỳnh Minh Kha	DH13CC			1	1,8	5,5	8,7	0012345678910	0123456789
2	13118177	Đào Văn Khái	DH13CC		✓					0012345678910	0123456789
3	13118180	Nguyễn Hồng Khánh	DH13CC			1	1,5	4,0	6,5	0012345678910	0123456789
4	13118183	Trương Nhật Khánh	DH13CC			1	1,8	3,0	5,8	0012345678910	0123456789
5	13118184	Võ Văn Khiêm	DH13CC			1	1,5	4,3	6,8	0012345678910	0123456789
6	13118190	Trần Văn La	DH13CC			1	1,8	3,0	5,8	0012345678910	0123456789
7	13118194	Lê Hoàng Lê	DH13CC			1	1,8	3,3	6,1	0012345678910	0123456789
8	13118196	Lê Văn Linh	DH13CC			1	1,5	4,8	7,3	0012345678910	0123456789
9	13118202	Nguyễn Tấn Lộc	DH13CC			1	1,5	6,0	8,5	0012345678910	0123456789
10	13118203	Nguyễn Hữu Lợi	DH13CC			1	1,8	6,0	8,8	0012345678910	0123456789
11	13118220	Nguyễn Ngọc Nguyên	DH13CC			1	1,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
12	13118236	Đặng Đình Phó	DH13CC			1	1,8	5,5	8,3	0012345678910	0123456789
13	13118238	Hà Thanh Phương	DH13CC			1	1,5	1,0	3,5	0012345678910	0123456789
14	13118250	Bạch Đình Quyết	DH13CC			1	1,8	2,0	4,8	0012345678910	0123456789
15	13118257	Vũ Tuấn Sơn	DH13CC			1	1,8	1,5	4,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05118



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Máy và thiết bị phân ly (207214) - 002_DH13CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 07/06/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD201

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp

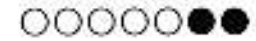
DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13118260	Lê Nguyễn Thành Tài	DH13CC			1	1,8	6,5	9,3	0012345678910	0123456789
17	13118266	Huỳnh Thanh Tâm	DH13CC			1	1,8	3,5	6,3	0012345678910	0123456789
18	13118267	Trương Minh Tâm	DH13CC			1	1,5	4,5	9,0	0012345678910	0123456789
19	13118278	Huỳnh Ngọc Thạch	DH13CC			1	1,8	4,3	7,1	0012345678910	0123456789
20	13118284	Lâm Văn Thiệt	DH13CC			1	1,8	2,0	4,8	0012345678910	0123456789
21	13118298	Nguyễn Văn Tiến	DH13CC			1	1,5	4,5	7,0	0012345678910	0123456789
22	13118306	Nguyễn Chu Toàn	DH13CC			1	1,8	6,0	8,8	0012345678910	0123456789
23	13118308	Phạm Văn Tráng	DH13CC			1	1,8	3,3	6,1	0012345678910	0123456789
24	13118318	Nguyễn Đức Trung	DH13CC			1	1,5	4,3	6,8	0012345678910	0123456789
25	13118323	Bùi Văn Truyền	DH13CC			1	1,8	3,0	5,8	0012345678910	0123456789
26	13118326	Nguyễn Nhựt Trường	DH13CC			1	1,8	2,5	5,3	0012345678910	0123456789
27	13118333	Nguyễn Anh Tuấn	DH13CC			1	1,5	1,3	3,8	0012345678910	0123456789
28	13118334	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC			1	1,8	1,0	3,8	0012345678910	0123456789
29	13118342	Nguyễn Xuân Tùng	DH13CC			1	1,5	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
30	13118344	Bùi Văn Tú	DH13CC			1	1,5	2,0	4,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05118



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Máy và thiết bị phân ly (207214) - 002_DH13CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 07/06/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD201

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp

DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13118347	Mai Hoài Tuyền	DH13CC			1	1,8	4,3	7,1	0012345678910	0123456789
32	13118349	Dương Đức Vinh	DH13CC			1	1,8	3,0	5,8	0012345678910	0123456789
33	13118354	Lê Lương Tuấn	DH13CC			1	1,5	4,0	6,5	0012345678910	0123456789
34	13118360	Đào Thị Hải Yến	DH13CC			1	1,8	4,0	6,8	0012345678910	0123456789
35	13118365	Trần Văn Tĩnh	DH13CC			1	1,5	5,5	8,0	0012345678910	0123456789

Ngày 7 Tháng 7 Năm 2016

Số sinh viên dự thi:.....Số sinh viên vắng:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

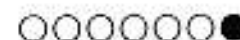
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Thanh Phong

Nguyễn Hải Đăng



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Máy gia công cơ học NSTP (207216) - 001_DH13CC_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 13/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD203

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp

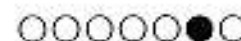
DH12CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 10 %	D2 10 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	12118084	Trần Quang Hưng	DH12CC			6,9	7,3	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
2	12118101	Nguyễn Thanh Tùng	DH12CC			5,1	6,0	8,0	7,5	0012345678910	0123456789
3	12118106	Phạm Vĩnh Vũ	DH12CC			6,6	4,6	9,0	8,3	0012345678910	0123456789
4	13118004	Nguyễn Thế Bảo	DH13CC			6,6	6,3	8,0	7,7	0012345678910	0123456789
5	13118005	Đỗ Thành Chung	DH13CC			8,1	6,9	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
6	13118009	Nguyễn Văn Dư	DH13CC			5,7	5,2	8,5	7,9	0012345678910	0123456789
7	13118019	Vũ Xuân Hoàng	DH13CC			8,3	7,4	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
8	13118023	Đoàn Nguyễn Anh Kim	DH13CC			7,0	6,9	6,0	6,2	0012345678910	0123456789
9	13118026	Nguyễn Hoàng Linh	DH13CC			7,9	7,7	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
10	13118031	Trương Minh Nghĩa	DH13CC			6,6	6,9	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
11	13118037	Nguyễn Nhật	DH13CC			8,6	8,6	9,5	9,3	0012345678910	0123456789
12	13118038	Trần Cảnh Phú	DH13CC			5,4	2,5	7,0	6,4	0012345678910	0123456789
13	13118043	Ngô Thành Quốc	DH13CC			6,1	6,9	8,5	8,1	0012345678910	0123456789
14	13118046	Kim Thái Sơn	DH13CC			6,1	7,3	8,0	7,7	0012345678910	0123456789
15	13118052	Cao Ngọc Thận	DH13CC			6,9	7,2	7,0	7,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05119



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Máy gia công cơ học NSTP (207216) - 001_DH13CC_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 13/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD203

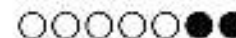
Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp

DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13118053	Trần Thế Thiện	DH13CC			9,0	8,8	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
17	13118056	Vô Đức Tiến	DH13CC			4,3	4,6	6,5	6,1	0012345678910	0123456789
18	13118061	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC			6,6	5,7	6,5	6,4	0012345678910	0123456789
19	13118063	Lê Văn Tựu	DH13CC			7,6	8,3	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
20	13118065	Lương Hoài Vinh	DH13CC			6,7	6,6	7,0	6,9	0012345678910	0123456789
21	13118066	Nguyễn Thế Vũ	DH13CC			8,0	7,0	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
22	13118074	Vô Đặng Phạm Anh	DH13CC			6,0	5,9	5,0	5,2	0012345678910	0123456789
23	13118080	Nguyễn Phúc Bạo	DH13CC			7,2	7,4	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
24	13118081	Trần Thế Bình	DH13CC			4,4	5,1	7,5	7,0	0012345678910	0123456789
25	13118089	Bùi Thanh Cường	DH13CC			8,4	2,3	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
26	13118092	Phạm Hùng Cường	DH13CC			5,2	6,4	6,5	6,4	0012345678910	0123456789
27	13118096	Mai Thành Duy	DH13CC			7,7	6,2	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
28	13118100	Trịnh Nguyễn Minh Duy	DH13CC			6,7	7,4	9,5	9,0	0012345678910	0123456789
29	13118101	Đoàn Quốc Dũng	DH13CC			8,4	7,1	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
30	13118109	Phạm Đại	DH13CC			4,5	1,9	7,0	6,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05119

Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Máy gia công cơ học NSTP (207216) - 001_DH13CC_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 13/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD203

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13118110	Phạm Minh Đại	DH13CC			6,6	6,6	5,0	5,3	0012345678910	0123456789
32	13118113	Phạm Thành Đạt	DH13CC			5,9	5,9	3,0	3,6	0012345678910	0123456789
33	13118114	Trần Minh Đạt	DH13CC			5,4	6,5	4,0	4,4	0012345678910	0123456789
34	13118120	Trần Cư Đạt	DH13CC			6,2	6,1	5,0	5,2	0012345678910	0123456789
35	13118126	Lê Xuân Hà	DH13CC			6,1	5,3	6,5	6,3	0012345678910	0123456789
36	13118138	Nguyễn Văn Hiền	DH13CC			7,0	5,9	7,0	6,9	0012345678910	0123456789
37	13118146	Nguyễn Quốc Hòa	DH13CC			5,6	5,4	7,0	6,7	0012345678910	0123456789
38	13118152	Bùi Văn Hạo	DH13CC			6,4	6,1	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
39	13118162	Huỳnh Đức Hùng	DH13CC			6,6	5,6	6,0	6,0	0012345678910	0123456789
40	13118168	Phạm Văn Hùng	DH13CC		✓					0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 33. Số sinh viên vắng: 1.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Phan Phú Hải

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thanh Dũng

Xác nhận của Bộ Môn

TS. Bùi Ngọc Hùng

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Văn Công Chính

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Tuấn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học Nhóm **Máy gia công cơ học NSTP (207216) - 002 DH3CC 01**

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 13/06/2016

Gr̃ Thi: 12:15

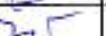
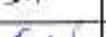
Phong Thi RD504

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp

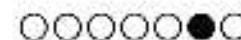
DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trans 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 10 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118170	Huỳnh Minh Kha	DH13CC			6,7	6,2	9,0	8,5	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	13118183	Trương Nhật Khánh	DH13CC		2	7,3	6,7	8,5	8,2	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	13118184	Vũ Văn Khiêm	DH13CC			8,0	8,4	6,5	6,8	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	13118190	Trần Văn La	DH13CC			7,9	8,2	7,5	7,6	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	13118194	Lê Hoàng Lễ	DH13CC			8,6	8,7	7,5	7,7	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	13118196	Lê Văn Linh	DH13CC			6,6	5,1	3,0	3,6	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	13118202	Nguyễn Tấn Lộc	DH13CC			5,6	4,9	7,0	6,7	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	13118203	Nguyễn Hữu Lợi	DH13CC			7,5	8,0	6,5	6,8	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	13118220	Nguyễn Ngọc Nguyên	DH13CC			6,6	6,1	6,0	6,1	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	13118227	Phan Văn Nhật	DH13CC			6,6	6,2	6,0	6,1	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	13118236	Dặng Đình Pháo	DH13CC			7,2	6,3	9,0	8,6	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	13118238	Hà Thanh Phương	DH13CC			7,1	6,6	6,5	6,6	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	13118250	Bạch Đình Quyết	DH13CC			5,9	5,6	9,0	8,4	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	13118257	Vũ Tuấn Sơn	DH13CC			5,9	6,4	6,0	6,0	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	13118260	Lê Nguyễn Thành Tài	DH13CC			9,3	9,1	7,0	7,4	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 05120



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Máy gia công cơ học NSTP (207216) - 002_DH13CC_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 13/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD504

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp

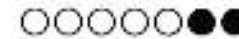
DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 10 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13118266	Huỳnh Thanh Tâm	DH13CC			5,1	5,1	8,0	7,4	001234567890	0123456789
17	13118267	Trương Minh Tâm	DH13CC			5,8	6,6	9,5	8,8	001234567890	0123456789
18	13118278	Huỳnh Ngọc Thạch	DH13CC		2	7,7	7,0	8,5	8,3	001234567890	0123456789
19	13118284	Lâm Văn Thiệt	DH13CC			6,2	6,6	6,5	6,5	001234567890	0123456789
20	13118298	Nguyễn Văn Tiến	DH13CC			7,1	6,9	5,0	5,4	001234567890	0123456789
21	13118301	Lê Đức Tín	DH13CC			4,0	4,6	5,5	5,3	001234567890	0123456789
22	13118306	Nguyễn Chu Toàn	DH13CC							001234567890	0123456789
23	13118308	Phạm Văn Tráng	DH13CC			7,0	6,4	7,0	6,9	001234567890	0123456789
24	13118318	Nguyễn Đức Trung	DH13CC			8,5	8,8	7,5	7,7	001234567890	0123456789
25	13118323	Bùi Văn Truyền	DH13CC		2	7,1	7,4	9,5	9,1	001234567890	0123456789
26	13118326	Nguyễn Nhật Trường	DH13CC			5,9	6,9	5,0	5,3	001234567890	0123456789
27	13118331	Hoàng Văn Tuấn	DH13CC			4,8	2,0	3,0	3,1	001234567890	0123456789
28	13118333	Nguyễn Anh Tuấn	DH13CC			6,6	7,5	3,0	3,8	001234567890	0123456789
29	13118334	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC			6,4	6,9	5,5	5,7	001234567890	0123456789
30	13118338	Phạm Minh Tuấn	DH13CC			2,2	2,0	3,5	3,2	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05120



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Máy gin công cơ học NSTP (207216) - 002_DH13CC_01

Số Tin Ch: 3

Ngày Thi 13/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD504

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp

DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 10%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13118342	Nguyễn Xuân Tùng	DH13CC			8,4	8,0	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
32	13118344	Bùi Văn Tú	DH13CC			7,3	6,5	3,5	4,2	0012345678910	0123456789
33	13118347	Mai Hoài Tựu	DH13CC			7,1	7,1	5,5	5,8	0012345678910	0123456789
34	13118349	Dương Đức Vinh	DH13CC			5,1	2,0	5,0	4,7	0012345678910	0123456789
35	13118353	Hoàng Đức Vũ	DH13CC			6,4	7,1	4,0	4,6	0012345678910	0123456789
36	13118354	Lê Lương Tuấn	DH13CC			0	0	4,5	3,6	0012345678910	0123456789
37	13118360	Đào Thị Hải Yến	DH13CC			9,6	9,7	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
38	13118365	Trần Văn Tịnh	DH13CC		2	6,9	6,1	8,5	8,1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 32. Số sinh viên vắng: 1.

Ngày 14 Tháng 7 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Ngô Võ Ngọc Thạch

Cán bộ coi thi 2

Cao Đức Lợi

Xác nhận của Bộ Môn

TS. Bùi Ngọc Hùng

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Văn Công Chính

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Tuấn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Máy nâng chuyên² (207217) - 001 DH13CC 01

Số Tín Ch. 2

Ngày Thi: 20/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi CT101

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp

DH12CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30 %	D2 20 %	D.Số 50	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12118101	Nguyễn Thanh Tùng	DH12CC			7	8	6,5	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12118106	Phạm Vĩnh Vũ	DH12CC			4,7	8	4,5	5,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13118006	Trần Quang Chung	DH13CK			4	6,7	5	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13118009	Nguyễn Văn Dư	DH13CC			6,3	6,7	4,5	5,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13118019	Vũ Xuân Hoàng	DH13CC			4,3	6,7	4,5	4,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118035	Nguyễn Đình Nhật	DH13CK			3	6,7	2,5	3,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118038	Trần Cảnh Phú	DH13CC			6,7	8,0	4	5,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118066	Nguyễn Thế Vũ	DH13CC			6,7	7,7	5	6,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118074	Võ Đặng Phạm Anh	DH13CC			6,3	6,7	5	5,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118080	Nguyễn Phúc Bạo	DH13CC			7,5	8,3	7	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118081	Trần Thế Bình	DH13CC			1	8	3	3,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118089	Bùi Thanh Cường	DH13CC			7,2	7,3	5,5	6,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118096	Mai Thành Duy	DH13CC			8	8,3	5,5	6,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13118110	Phạm Minh Đại	DH13CC			5,2	6,3	5	5,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118113	Phạm Thành Đạt	DH13CC			3	8	1,5	3,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 05121



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Máy năng chuyên (207217) - 001_DH13CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi CT101

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp

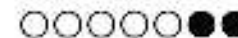
DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30 %	D2 20 %	Đ.Số 50	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13118138	Nguyễn Văn Hiền	DH13CC	<i>Hiền</i>		7	9	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
17	13118168	Phạm Văn Hùng	DH13CC	<i>✓</i>	✓					0012345678910	0123456789
18	13118170	Huỳnh Minh Kha	DH13CC	<i>Kha</i>		7,7	8,7	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
19	13118180	Nguyễn Hồng Khánh	DH13CC	<i>Khánh</i>		4,7	6,3	7	6,2	0012345678910	0123456789
20	13118183	Trương Nhật	DH13CC	<i>Trương</i>		7,7	9,3	5,5	6,9	0012345678910	0123456789
21	13118184	Vô Văn Khiêm	DH13CC	<i>Khiêm</i>		7,2	7,7	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
22	13118204	Trương Thanh Lực	DH13CK	<i>Lực</i>		3,5	7,3	3,5	4,3	0012345678910	0123456789
23	13118220	Nguyễn Ngọc Nguyên	DH13CC	<i>Nguyên</i>		7	8	5	6,2	0012345678910	0123456789
24	13118236	Đặng Đình Phở	DH13CC	<i>Phở</i>		7,5	7,7	6	6,8	0012345678910	0123456789
25	13118238	Hà Thanh Phương	DH13CC	<i>Phương</i>		7,5	7,7	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
26	13118266	Huỳnh Thanh Tâm	DH13CC	<i>Tâm</i>		7	7,7	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
27	13118278	Huỳnh Ngọc Thạch	DH13CC	<i>Thạch</i>		7,2	7,7	6	6,7	0012345678910	0123456789
28	13118290	Phạm Quốc Thuyền	DH13CK	<i>Thuyền</i>		4,3	6,7	5,5	5,4	0012345678910	0123456789
29	13118298	Nguyễn Văn Tiến	DH13CC	<i>Tiến</i>		5,2	6,3	6	5,8	0012345678910	0123456789
30	13118301	Lê Đức Tín	DH13CC	<i>Tín</i>		4,2	7,7	6,5	6,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05121



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Máy nông cụ (207217) - 001_DH13CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi CT101

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp

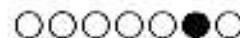
DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20 %	D2 20 %	D.Số 50	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13118323	Bùi Văn Truyền	DH13CC			6,7	6,7	5,5	6,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	13118326	Nguyễn Nhật Trường	DH13CC			6,8	8	5,5	6,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	13118334	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC			6,8	6,7	4,5	5,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	13118342	Nguyễn Xuân Tùng	DH13CC			7,5	8	4	5,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	13118344	Bùi Văn Tú	DH13CC			6,3	8	3	5,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	13118347	Mai Hoài Tựu	DH13CC			6,8	9	4	5,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
37	13118349	Dương Đức Vinh	DH13CC			7,5	8	5,5	6,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	13118354	Lê Lương Tuấn Vũ	DH13CC			2,3	6,3	5,5	4,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	13118360	Đào Thị Hải Yến	DH13CC			8	9	5,5	7,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	13118365	Trần Văn Tịnh	DH13CC			7,3	9	3,5	5,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	13334111	Trần Văn Lộc	CD13CI			6,3	7,7	3	4,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
42	13334138	Đinh Văn Phi	CD13CI			6	8,7	3	5,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	13334169	Nguyễn Văn Tài	CD13CI			5,2	6,7	3	4,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	13334175	Đoàn Thiện Thanh	CD13CI			4,8	7,7	4	5,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
45	13334216	Phạm Văn Toàn	CD13CI			6	6,7	2	4,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 05122



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Máy nâng chuyển (207217) - 001_DH13TD_03

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD106

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp

DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30 %	D2 20 %	D.Số 50	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13137006	Mai Thế Anh	DH13NL			4,7	7	4	4,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13137032	Đỗ Văn Duy	DH13NL			4,7	8	2,5	4,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13137052	Huỳnh Tấn Hạnh	DH13NL			0	8	1	2,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13137053	Cao Gia Hân	DH13NL			5,7	2,3	5,5	4,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13137120	Trần Văn Sơn	DH13NL		✓					○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13138003	Lương Đình Đồng	DH13TD			6,3	7	2,5	4,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13138005	Đậu Việt Hùng	DH13TD			5,8	3	4	4,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13138006	Đào Thanh Hữu	DH13TD			4,8	8	4	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13138011	Trần Nhật Nghĩa	DH13TD			7	8,7	8	7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13138051	Ngô Lộc Trường	DH13TD			6,7	7,7	6,5	6,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13138060	Phan Hồng Hải	DH13TD			5,3	7,7	5	5,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13138061	Trần Minh Hải	DH13TD			5,7	8	4,5	5,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi: 26. Số sinh viên vắng: 1...

Ngày 06 Tháng 07 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Cao Đức Lợi

Xác nhận của Bộ Môn

Nguyễn Hải Đăng

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Hải Đăng

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Tuấn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Máy nông cụ (207217) - 002_DHI3TD_03

Số Tín Ch. 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD401

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp

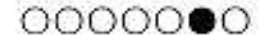
DHI3TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30 %	D2 20 %	D.Số 50	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13138068	Hoàng Minh	Hiếu	DHI3TD		5	8	1	3,6	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	13138076	Vô Minh	Hòa	DHI3TD		6	7,7	5,5	6,1	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	13138079	Nguyễn Trần Minh	Hoàng	DHI3TD		1,3	3,0	5,0	3,5	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	13138080	Huỳnh Lê Phúc	Hòa	DHI3TD		6,2	7,7	2,0	4,4	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	13138085	Hoàng Thanh	Hùng	DHI3TD		2,5	7	2,5	3,4	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	13138097	Trần Tiến	Khôi	DHI3TD		5,7	3	3,5	4,1	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	13138098	Vũ Văn	Khuong	DHI3TD		5,3	4,7	1,5	3,3	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	13138108	Lê Quang	Linh	DHI3TD		6,2	9	4	5,7	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	13138128	Nguyễn Tiên	Ngọc	DHI3TD		6,5	8	5	6,1	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	13138129	Trương Văn	Ngọc	DHI3TD		4,5	7	3,5	4,5	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	13138148	Phạm Khánh	Phi	DHI3TD		6,3	4,7	6	5,8	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	13138152	Hoàng Xuân	Phú	DHI3TD		4,7	7	3	4,3	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	13138156	Nguyễn Hồng	Phúc	DHI3TD		4,8	7	3	4,3	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	13138171	Lê Tuấn	Sang	DHI3TD	✓	✓				⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	13138173	Trần Vũ	Sang	DHI3TD	✓	✓				⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 05123



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Máy nâng chuyển (207217) - 002_DH13TD_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD401

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp

DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 50%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm IR
16	13138175	Bùi Thái Sơn	DH13TD			6,3	4,7	5	5,3	0012345678910	0123456789
17	13138183	Vũ Minh Tâm	DH13TD			7	8	8	7,7	0012345678910	0123456789
18	13138192	Phạm Văn Thanh	DH13TD			5,5	6,7	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
19	13138201	Vân Thiên	DH13TD			1,3	6,7	4	3,7	0012345678910	0123456789
20	13138205	Vương Bảo	DH13TD			6,3	5,3	4	5,0	0012345678910	0123456789
21	13138219	Hồ Tiệp	DH13TD			6	4,7	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
22	13138227	Phạm Đình Trung	DH13TD			6	6,7	4,5	5,4	0012345678910	0123456789
23	13138238	Ngô Vũ Minh Tuấn	DH13TD			5,7	6,7	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
24	13138251	Đỗ Ngọc Việt	DH13TD		✓					0012345678910	0123456789
25	13138255	Phùng Anh Vi	DH13TD			5	7,7	1,5	3,8	0012345678910	0123456789
26	13138260	Hoàng Đức Lương	DH13TD			5,7	6,7	4	5,1	0012345678910	0123456789
27	13138263	Hợp Tiến Hoàng	DH13TD			5,5	8	5	5,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 4. Số sinh viên vắng: 3.

Ngày 6 Tháng 7 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thanh Dũng

Cán bộ coi thi 2

Bùi Văn Đức

Xác nhận của Bộ Môn

Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Hải Đăng

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Tuấn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Nhiệt kỹ thuật (207219) - 001_DH14OT_01**

Số Tin Ch 3

Ngày Thi **23/06/2016** Giờ Thi: **09:30** Phòng Thi **RD106** Giảng viên: **Lê Anh Đức**

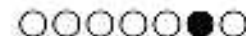
Lớp **DH12CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	P.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12153004	Trần Văn Đạt	DH12CD	<i>Trần Văn Đạt</i>		9	9	9,5	9,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14118017	Nguyễn Thanh Điền	DH14CK	<i>Nguyễn Thanh Điền</i>		8	2,5	6,5	5,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14118030	Nguyễn Đức Huy	DH14CK	<i>Nguyễn Đức Huy</i>		9	0	0	0,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118050	Nguyễn Thành Phong	DH14CK	<i>Nguyễn Thành Phong</i>		8	3	9	7,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14118123	Nguyễn Ngọc Cường	DH14CK	<i>Nguyễn Ngọc Cường</i>		8	8	10	9,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14118159	Phạm Tấn Hiệp	DH14CK	<i>Phạm Tấn Hiệp</i>		9	8,5	9,5	9,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14118164	Tôn Nhật Hoàng	DH14CK	<i>Tôn Nhật Hoàng</i>		8	3,5	7	6,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14118198	Mai Văn Minh	DH14CK	<i>Mai Văn Minh</i>		9	8	10	9,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14118245	Nguyễn Văn Tài	DH14CK	<i>Nguyễn Văn Tài</i>		8	5	8,5	7,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14118309	Bùi Thanh Vinh	DH14CK	<i>Bùi Thanh Vinh</i>		7	4	10	7,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14153006	Hồ Nguyễn Văn Cảnh	DH14CD	<i>Hồ Nguyễn Văn Cảnh</i>		9	9	8	8,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14153030	Trần Lộc Minh	DH14CD	<i>Trần Lộc Minh</i>		7	1,0	1,0	1,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14153094	Hứa Tiến Hưng	DH14CD	<i>Hứa Tiến Hưng</i>		9	1,5	8,5	6,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14153123	Đỗ Hồng Thái	DH14CD	<i>Đỗ Hồng Thái</i>		9	3	8	6,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14153137	Phạm Ngọc Tri	DH14CD	<i>Phạm Ngọc Tri</i>		9	3	10	7,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 05124



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Nhiệt kỹ thuật (207219) - 001_DHI4OT_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi RD106

Giảng viên: Lê Anh Đức

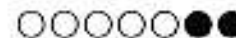
Lớp DHI4OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14154004	Nguyễn Hoài Bào	DHI4OT			9	6	10	8,7	0012345678910	0123456789
17	14154005	Nùng Chí Bảo	DHI4OT			9	8,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
18	14154006	Phạm Văn Bảo	DHI4OT			9	9	9,5	9,3	0012345678910	0123456789
19	14154007	Nguyễn Thành Công	DHI4OT			8	3,5	10	7,9	0012345678910	0123456789
20	14154009	Nguyễn Hoài Duy	DHI4OT			9	8	10	9,3	0012345678910	0123456789
21	14154011	Nguyễn Phát Đạt	DHI4OT			9	4	8,5	7,2	0012345678910	0123456789
22	14154013	Trương Nhật Diễn	DHI4OT			5	3	8	6,2	0012345678910	0123456789
23	14154015	Huỳnh Thiện Đức	DHI4OT			9	6,5	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
24	14154016	Trần Thanh Tú Em	DHI4OT			9	7,5	10	9,2	0012345678910	0123456789
25	14154017	Lê Minh Hải	DHI4OT			9	3,5	10	8,0	0012345678910	0123456789
26	14154018	Trần Bá Hiền	DHI4OT			9	6,5	10	8,9	0012345678910	0123456789
27	14154020	Vũ Anh Hiếu	DHI4OT			8	1,0	10	7,1	0012345678910	0123456789
28	14154021	Nông Quốc Hoàn	DHI4OT			6	5	5,5	5,4	0012345678910	0123456789
29	14154024	Nguyễn Phi Hùng	DHI4OT			9	8,5	8	8,3	0012345678910	0123456789
30	14154025	Nguyễn Phúc Hưng	DHI4OT			9	8	10	9,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05124



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nhiệt kỹ thuật (207219) - 001_DH14OT_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi RD106

Giảng viên: Lê Anh Đức

Lớp

DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 30 %	D3 60 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	14154027	Cao Hoàng Khanh	DH14OT			9	8,5	8,5	8,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	14154028	Đặng Tuấn Kiệt	DH14OT			9	7,5	10	9,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	14154032	Nguyễn Văn Hoàng Long	DH14OT			5	4	2,5	3,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	14154034	Đỗ Trọng Lôi	DH14OT		✓				0,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	14154037	Hoàng Văn Nam	DH14OT			9	9	8	8,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	14154039	Nguyễn Hoài Nhân	DH14OT			9	9	8,5	8,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	14154044	Điền Quyết	DH14OT			8	4	10	8,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	14154045	Mai Xuân Sanh	DH14OT			9	6	9	8,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	14154047	Nguyễn Quốc Sự	DH14OT			9	2	8,5	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	14154049	Hoàng Ngọc Tấn	DH14OT			9	4,5	7,5	6,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi: 39 Số sinh viên vắng: 1

Ngày 8 Tháng 7 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

 Nguyễn Văn Tuấn Anh

 Cao Đức Lợi

 Lê Văn Hưng

 Lê Anh Đức

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Nhiệt kỹ thuật (207219) - 002_DH14OT_01**

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi PV400A

Giảng viên: Lê Anh Đức

Lớp

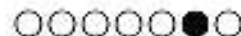
DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D. Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14154051	Nguyễn Trọng Thành	DH14OT			9	4	9	7,5	○○○12345678910	○○123456789
2	14154052	Lê Cao Thắng	DH14OT			9	10	10	9,9	○○○12345678910	○○123456789
3	14154053	Vũ Hoàng Thắng	DH14OT			9	4,5	7,5	6,8	○○○12345678910	○○123456789
4	14154057	Ôn Hoa Thu	DH14OT			8	5	7,5	6,8	○○○12345678910	○○123456789
5	14154058	Lê Đình Thuận	DH14OT			9	6	8,5	7,8	○○○12345678910	○○123456789
6	14154060	Tăng Quốc Tiến	DH14OT			8	4	10	8,0	○○○12345678910	○○123456789
7	14154061	Trương Ngọc Tin	DH14OT			9	10	10	9,9	○○○12345678910	○○123456789
8	14154062	Nguyễn Thế Trọng	DH14OT			9	4	8,5	7,2	○○○12345678910	○○123456789
9	14154063	Vô Đình Trường	DH14OT			9	5	8	7,2	○○○12345678910	○○123456789
10	14154064	Mai Quốc Việt	DH14OT			9	8,5	10	9,5	○○○12345678910	○○123456789
11	14154068	Hồ Việt Anh	DH14OT			9	4	8	6,9	○○○12345678910	○○123456789
12	14154076	Nguyễn Quốc Cường	DH14OT			9	5	10	8,4	○○○12345678910	○○123456789
13	14154077	Nguyễn Quốc Cường	DH14OT			8	4	10	8,0	○○○12345678910	○○123456789
14	14154079	Nguyễn Thị Bích Dân	DH14OT			9	7,5	10	9,2	○○○12345678910	○○123456789
15	14154080	Nguyễn Hoàng Diễm	DH14OT			8	2	6,5	5,3	○○○12345678910	○○123456789



Mã nhận dạng 05125



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Nhiệt kỹ thuật (207219) - 002_DHI4OT_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi PV400A

Giảng viên: Lê Anh Đức

Lớp

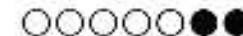
DHI4OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 32%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14154090	Hồ Thanh Hải	DHI4OT			7	6,5	5	5,7	0012345678910	0123456789
17	14154093	Trương Bửu Hiệp	DHI4OT			9	8	10	9,3	0012345678910	0123456789
18	14154094	Trần Thanh Hoàng	DHI4OT			9	3,5	8	6,8	0012345678910	0123456789
19	14154096	Trần Thanh Hoàng	DHI4OT			8	3	10	7,7	0012345678910	0123456789
20	14154097	Hoàng Văn Hòa	DHI4OT			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
21	14154098	Lê Thái Hòa	DHI4OT			9	8	10	9,3	0012345678910	0123456789
22	14154099	Nguyễn Anh Huy	DHI4OT			9	4	8,5	7,2	0012345678910	0123456789
23	14154100	Nguyễn Đức Huy	DHI4OT			0	5,5	0	1,7	0012345678910	0123456789
24	14154102	Nguyễn Đình Huy	DHI4OT			9	7,5	10	9,2	0012345678910	0123456789
25	14154105	Phạm Ngọc Hưng	DHI4OT			8	2	10	7,4	0012345678910	0123456789
26	14154112	Nguyễn Hoàng Khương	DHI4OT			9	7,5	10	9,2	0012345678910	0123456789
27	14154119	Nguyễn Văn Minh	DHI4OT			9	8	10	9,3	0012345678910	0123456789
28	14154125	Nguyễn Minh Ngọc	DHI4OT		✓				0,0	0012345678910	0123456789
29	14154126	Phạm Anh Ngọc	DHI4OT			9	4,5	8	7,1	0012345678910	0123456789
30	14154127	Nguyễn Văn Nhận	DHI4OT			9	3	10	7,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05125



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nhiệt kỹ thuật (207219) - 002_DHI40T_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi PV400A

Giảng viên: Lê Anh Đức

Lớp

DHI40T (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D3 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14154130	Vương Ninh	DHI40T			9	3,5	10	8,0	0012345678910	0123456789
32	14154131	Nguyễn Tấn Phát	DHI40T			9	9,5	10	9,8	0012345678910	0123456789
33	14154133	Trương Thái Phi	DHI40T			9	4	10	8,1	0012345678910	0123456789
34	14154137	Đỗ Tiến Quỳnh	DHI40T			9	4,5	10	8,3	0012345678910	0123456789
35	14154139	Lê Tấn Tài	DHI40T			8	4	8	6,8	0012345678910	0123456789
36	14154142	Trương Quang Thanh	DHI40T			8	5	10	8,3	0012345678910	0123456789
37	14154143	Trần Hữu Thành	DHI40T			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
38	14154146	Nguyễn Trung Thiên	DHI40T			9	6	10	8,7	0012345678910	0123456789
39	14154156	Trần Hữu Tuấn	DHI40T			9	9,5	10	9,8	0012345678910	0123456789
40	14154157	Trần Văn Tuấn	DHI40T			9	2	6,5	5,4	0012345678910	0123456789
41	14154160	Vũ Duy Tú	DHI40T			9	6	10	8,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 40. Số sinh viên vắng 01

Ngày 8 Tháng 7 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Nhiệt động lực học kỹ thuật (207220) - 002_DH14CC_01**

Số Tín Ch 3

Ngày Thi **23/06/2016**

Giờ Thi: **12:15**

Phòng Thi **RD202**

Giảng viên: **Lê Anh Đức**

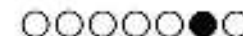
Lớp **DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D3 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118148	Cao Thanh Giang	DH14CC			9	4,5	5	5,7	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	14118149	Hà Văn Giao	DH14CC			9	7,5	1,0	3,9	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	14118154	Lê Doãn Hào	DH14CC			9	9	8	8,4	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	14118160	Vô Đức Hiệp	DH14CC			9	5,5	3,5	5,0	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	14118167	Nguyễn Văn Hòa	DH14CC			9	3	3	4,2	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	14118193	Trần Như Long	DH14CC			9	7,5	7	7,5	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	14118206	Lê Từ Nguyên	DH14CC			9	6	8,5	8,1	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	14118208	Vô Tấn Nguyên	DH14CC			8	9,5	8,5	8,6	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	14118219	Trần Nguyễn Hoàng Phú	DH14CC			8	8	4	5,6	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	14118222	Nguyễn Thành Phương	DH14CC			8	4	1,5	3,3	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	14118228	Trần Hữu Phước	DH14CC			9	2,5	9	7,7	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	14118232	Lê Văn Nhật Quang	DH14CC		✓				0,0	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	14118234	Nguyễn Thiện Quang	DH14CC			7	3	8	6,8	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	14118243	Nguyễn Thế Sơn	DH14CC			9	4	7,5	7,1	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	14118256	Nguyễn Quốc Thắng	DH14CC			8	6,5	4,5	5,6	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 05127



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nhiệt động lực học kỹ thuật (207220) - 002_DH14CC_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD202

Giảng viên: Lê Anh Đức

Lớp

DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 22%	D2 20%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118263	Nguyễn Tấn Thiện	DH14CC			9	4	3	4,4	0012345678910	0123456789
17	14118265	Nguyễn Quốc Thịnh	DH14CC			9	7	7	7,4	0012345678910	0123456789
18	14118274	Trần Văn Thường	DH14CC			9	10	9	9,2	0012345678910	0123456789
19	14118287	Lê Văn Trung	DH14CC			8	8,5	9	8,7	0012345678910	0123456789
20	14118296	Nguyễn Duy Tuấn	DH14CC			9	4	9	8,0	0012345678910	0123456789
21	14118308	Lê Trọng Văn	DH14CC		✓				0,0	0012345678910	0123456789
22	14118310	Trần Hữu Vinh	DH14CC			9	4,5	4	5,1	0012345678910	0123456789
23	14118317	Phạm Ngọc Châu	DH14CC			9	5	4	5,2	0012345678910	0123456789
24	14137008	Lê Đình Ba	DH14NL			9	3	6,5	6,3	0012345678910	0123456789
25	14137017	Châu Văn Duyệt	DH14NL			9	9,5	6	7,3	0012345678910	0123456789
26	14137044	Nguyễn Văn Ka	DH14NL		✓				0,0	0012345678910	0123456789
27	14137074	Nguyễn Mậu Thiết	DH14NL			9	6,5	8	7,9	0012345678910	0123456789
28	14137099	Trương Quốc Vương	DH14NL			9	10	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
29	15137072	Nguyễn Quang Nhật	DH15NL			9	8	9,5	9,1	0012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Nhiệt động lực học kỹ thuật (207220) - 001_DHI4CC_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD305

Giảng viên: Lê Anh Đức

Lớp

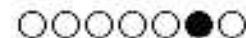
DHI2CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	12118033	Đỗ Văn Hải	DHI2CC			9	8	9	8,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	13118019	Vũ Xuân Hoàng	DHI3CC			9	7,5	7	7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	13118081	Trần Thế Bình	DHI3CC			5	3	5	4,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	13118089	Bùi Thanh Cường	DHI3CC			9	8	5,5	6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	13118113	Phạm Thành Đạt	DHI3CC			6	2	0,5	1,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	13118126	Lê Xuân Hà	DHI3CC			9	10	9,5	9,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	13118138	Nguyễn Văn Hiến	DHI3CC			9	8	8	8,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	13118168	Phạm Văn Hùng	DHI3CC						0,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	13118177	Đào Văn Khải	DHI3CC						0,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	13118227	Phan Văn Nhật	DHI3CC			9	8	8	8,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	13118250	Bạch Đình Quyết	DHI3CC			6	6	7,5	6,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	13118301	Lê Đức Tin	DHI3CC			8	5	7,5	7,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	13118349	Dương Đức Vinh	DHI3CC			9	4,5	9,5	8,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	13137080	Lê Thành Khôi	DHI3NL			9	8	9	8,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	14118009	Nguyễn Minh Chiến	DHI4CC			9	8	8,5	8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 05126



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Nhiệt động lực học kỹ thuật (207220) - 001_DHI4CC_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD305

Giảng viên: Lê Anh Đức

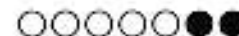
Lớp DHI4CC (Cơ khí chế biến hàng quân NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118024	Phạm Thanh Hiền	DHI4CC						0,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14118029	Đào Văn Huy	DHI4CC	Huy		9	5,5	2,5	4,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14118031	Nguyễn Trường Huy	DHI4CC	Huy		9	8	8,5	8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	14118037	Trần Đình Hải	DHI4CC	Hai		9	10	9,5	9,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14118040	Hoàng Vương Nam	DHI4CC	Nam		9	10	6	7,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14118045	Trần Trọng Nhân	DHI4CC	Nhan		5	8	8,5	7,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14118048	Bùi Hoàng Phong	DHI4CC	Phong		9	4	4	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14118059	Lê Văn Quyền	DHI4CC	Quy		9	9	9	9,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14118074	Phạm Đình Tiến	DHI4CC	Tien		9	8	9	8,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14118076	Nguyễn Văn Toàn	DHI4CC	Toan		9	8	8	8,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14118077	Nguyễn Vĩnh Tới	DHI4CC						0,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	14118078	Nguyễn Công Trọng	DHI4CC	Trong		9	7	7,5	7,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	14118080	Cao Văn Trinh	DHI4CC	Trinh		9	6,5	8	7,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	14118104	Nguyễn Tấn Bảo	DHI4CC						0,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	14118105	Nguyễn Văn Bình	DHI4CC	Binh		8	4,5	9,5	8,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 05126



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Nhiệt động lực học kỹ thuật (207220) - 001_DH14CC_01

Số Tin Ch: 3

Ngày Thi: 23/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: HD305

Giảng viên: Lê Anh Đức

Lớp: DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14118114	Thái Văn Chiến	DH14CC			9	7	4	5,6	0012345678910	0123456789
32	14118135	Nguyễn Phát Đạt	DH14CC			9	3	5	5,4	0012345678910	0123456789
33	14118137	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC			9	5	8	7,6	0012345678910	0123456789
34	14118142	Nguyễn Văn Định	DH14CC						0,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 28. Số sinh viên vắng: 6.

Ngày 7 Tháng 7 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Cao Đức Lợi

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Bùi Ngọc Hùng

Lê Anh Đức

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm **PP bổ trợ thí nghiệm & XLSTL (207221) - 001_DHI3CC_01**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi CT202

Giảng viên: Trần Văn Tuấn

Lớp **DHI2CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 32%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12153067	Phùng Thái Nhân	DHI2CD	V	✓	1,8	0		1,8	○○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
2	12153114	Nguyễn Hoài Nhân	DHI2CD	hu		1,8	1,4		3,2	○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	12153164	Võ Xuân Vinh	DHI2CD	on✓		2,6	1,8		4,3	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
4	12153174	Nguyễn Khắc Hôn	DHI2CD	hu		1,8	1,1		2,9	○○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
5	12153177	Trần Quốc Khanh	DHI2CD	hick		1,8	1,1		2,9	○○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
6	12154051	Nguyễn Đình Quốc Chính	DHI2OT	chính		2,4	3,5		5,9	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
7	12154124	Trương Thanh Trùng	DHI2OT	tr		2,0	2,5		4,4	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
8	13118002	Đặng Ngọc ần	DHI3CK	ân		1,8	4,9		6,7	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
9	13118005	Đỗ Thành Chung	DHI3CC	g		2,4	5,6		8,0	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13118008	Nguyễn Hoài Anh Duy	DHI3CK	duy		1,8	2,8		4,6	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
11	13118009	Nguyễn Văn Dư	DHI3CC	ph		2,7	2,1		4,8	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
12	13118015	Võ Đình Hải	DHI3CK	hải		2,7	2,1		4,8	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
13	13118017	Trần Văn Hiệu	DHI3CK	hieu		2,4	4,9		7,3	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13118019	Vũ Xuân Hoàng	DHI3CC	hoang		2,0	4,9		7,9	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
15	13118020	Như Sợ Hùng	DHI3CK	huy		2,4	5,2		7,7	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨



Mã nhận dạng 05128



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm PP bổ trợ thí nghiệm & XLSL (207221) - 001_DH13CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi CT202

Giảng viên: Trần Văn Tuấn

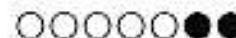
Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13118021	Lương Phan Bá	Khắc			1,8	3,5		5,3	0012345678910	0123456789
17	13118022	Trần Anh	Kiệt			2,4	2,8		5,2	0012345678910	0123456789
18	13118024	Ngô Minh	Lan			2,7	4,6		7,3	0012345678910	0123456789
19	13118047	Phạm Minh	Tài			0	3,2		3,2	0012345678910	0123456789
20	13118058	Lê Quang	Trọng			1,8	5,3		7,1	0012345678910	0123456789
21	13118075	Vũ Văn	Anh			2,4	2,5		4,9	0012345678910	0123456789
22	13118078	Trịnh Quốc	Bảo			1,8	3,5		5,3	0012345678910	0123456789
23	13118080	Nguyễn Phúc	Bạo			3,0	4,6		7,6	0012345678910	0123456789
24	13118089	Bùi Thanh	Cường			2,4	2,1		4,5	0012345678910	0123456789
25	13118092	Phạm Hùng	Cường			2,4	2,5		4,9	0012345678910	0123456789
26	13118095	Lưu Trần Tấn	Duy			3,0	3,2		6,2	0012345678910	0123456789
27	13118105	Trần Tùng	Dương			1,8	3,5		5,3	0012345678910	0123456789
28	13118108	Lâm Hữu Nguyễn	Dan			2,4	3,9		6,3	0012345678910	0123456789
29	13118110	Phạm Minh	Đại			2,4	3,5		5,9	0012345678910	0123456789
30	13118113	Phạm Thành	Đại			1,8	1,1		2,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05128



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm PP bố trí thí nghiệm & XLSL (207221) - 001_DH13CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi CT202

Giảng viên: Trần Văn Tuấn

Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 70%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13118123	Trịnh Đình Thanh	Đức	<i>Thanh</i>		1,8	4,6		6,4	0012345678910	0123456789
32	13118132	Nguyễn Văn	Hải	<i>Nguyen</i>		3,0	2,5		5,5	0012345678910	0123456789
33	13118135	Trần Tuấn	Hiền	<i>Tran</i>		2,4	3,9		6,3	0012345678910	0123456789
34	13118138	Nguyễn Văn	Hiền	<i>Nguyen</i>		1,8	3,9		5,7	0012345678910	0123456789
35	13118163	Lâm Thái	Hùng	<i>Lam</i>		2,4	4,2		6,6	0012345678910	0123456789
36	13118168	Phạm Văn	Hùng	<i>Pham</i>	✓					0012345678910	0123456789
37	13118180	Nguyễn Hồng	Khánh	<i>Nguyen</i>		2,4	3,2		5,6	0012345678910	0123456789
38	13118189	Nguyễn Hữu	Kiệt	<i>Nguyen</i>		1,8	4,2		6,0	0012345678910	0123456789
39	13118197	Nguyễn Chí	Linh	<i>Nguyen</i>		1,8	4,2		6,0	0012345678910	0123456789
40	13118201	Nguyễn Tấn	Lộc	<i>Nguyen</i>		2,4	4,2		6,6	0012345678910	0123456789
41	13118208	Bùi Lương Bảo	Minh	<i>Bui</i>		2,4	2,8		5,2	0012345678910	0123456789
42	13118220	Nguyễn Ngọc	Nguyễn	<i>Nguyen</i>		2,7	4,6		7,3	0012345678910	0123456789
43	13118221	Võ Văn	Nguyễn	<i>Võ</i>		0	1,1		1,1	0012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **PP bố trí thí nghiệm & XL.SL (207221) - 002_DHH3CC_01**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi RD303

Giảng viên: Trần Văn Tuấn

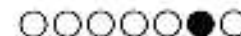
Lớp **DHH3CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 70%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118239	Huỳnh Vũ Phương	DHH3CK			2,4	6,0		8,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	13118240	Huỳnh Hữu Phước	DHH3CC			2,4	2,8		5,2	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	13118250	Bạch Đình Quyết	DHH3CC			3,0	3,5		6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	13118267	Trương Minh Tâm	DHH3CC			3,0	6,0		9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	13118278	Huỳnh Ngọc Thạch	DHH3CC			2,4	6,3		8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
6	13118301	Lê Đức Tin	DHH3CC			1,8	3,9		5,7	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
7	13118306	Nguyễn Chu Toàn	DHH3CC			2,0	2,5		4,5	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	13118319	Nguyễn Huy Trung	DHH3CC	✓	✓					● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	13118334	Nguyễn Duy Tuấn	DHH3CC			2,4	3,5		5,9	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
10	13118347	Mai Hoài Tuyền	DHH3CC			1,8	3,9		5,7	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
11	13118359	Vũ Gia Vỹ	DHH3CK			1,8	3,2		5,0	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	13137002	Nguyễn Tấn Hậu	DHH3NL			2,4	4,9		7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	13137008	Vũ Tuấn Anh	DHH3NL			2,2	2,1		4,3	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	13137058	Mai Hoàng Hiệp	DHH3NL			2,4	3,9		6,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	13137080	Lê Thành Khôi	DHH3NL			1,8	1,1		2,9	○ ○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●



Mã nhận dạng 05129



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm PP bố trí thi nghiệm & XLSL (207221) - 002_DH13CC_01

Số Tín Chỉ 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi RD303

Giảng viên: Trần Văn Tuấn

Lớp

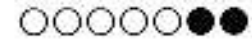
DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13137081	Vũ Đình Nguyễn	Khương	<i>Khương</i>		1,5	1,4		3,2	001234567890	0123456789
17	13137096	Lưu Thiện	Ngôn	<i>Thiện</i>		3,0	3,5		6,5	001234567890	0123456789
18	13137102	Trần Minh	Nhật	<i>Minh</i>		2,0	2,5		4,4	001234567890	0123456789
19	13137157	Đoàn Nhật	Tử	<i>Đoàn</i>		2,4	3,5		5,9	001234567890	0123456789
20	13153011	Chau Văn	Long	<i>Chau</i>		2,6	1,8		4,3	001234567890	0123456789
21	13153013	Huỳnh Minh	Lý	<i>Minh</i>		2,6	1,8		4,3	001234567890	0123456789
22	13153018	Diệp Chí	Quán	<i>Diệp</i>		0,0	1,4		1,4	001234567890	0123456789
23	13153027	Đào Hoàng	Vinh	<i>Đào</i>		2,7	4,6		7,3	001234567890	0123456789
24	13153063	Trần Văn	Dương	<i>Trần</i>		1,8	2,8		4,6	001234567890	0123456789
25	13153073	Nguyễn Văn	Đầu	<i>Nguyễn</i>		2,7	1,8		4,5	001234567890	0123456789
26	13153093	Phùng Văn	Hậu	<i>Phùng</i>		1,8	1,4		3,2	001234567890	0123456789
27	13153152	Đặng Hoàng	Nam	<i>Đặng</i>		1,8	2,1		3,9	001234567890	0123456789
28	13153172	Nguyễn Tiến	Phong	<i>Nguyễn</i>	✓					001234567890	0123456789
29	13153206	Nguyễn Hà	Tân	<i>Nguyễn</i>		1,8	2,8		4,6	001234567890	0123456789
30	13153216	Lê Bửu	Thị	<i>Lê</i>		2,6	1,8		4,3	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05129



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm PP bổ trợ thí nghiệm & XLSL (207221) - 002_DH13CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi RD303

Giảng viên: Trần Văn Tuấn

Lớp

DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13153255	Lê Ngọc Triệu Tuấn	DH13CD			2,0	2,5		4,4	0012345678910	0123456789
32	13154007	Nguyễn Huỳnh Duy	DH13OT			2,4	3,9		6,3	0012345678910	0123456789
33	13154029	Huỳnh Vũ Kiệt	DH13OT			2,4	2,8		5,2	0012345678910	0123456789
34	13154053	Hà Chí Thuận	DH13OT			2,4	3,5		5,9	0012345678910	0123456789
35	13154055	Trương Ngọc Thiện	DH13OT			2,4	2,5		4,9	0012345678910	0123456789
36	13154056	Vũ Hoàn Thiện	DH13OT			2,1	4,2		6,3	0012345678910	0123456789
37	13154123	Phạm Hùng	DH13OT			1,8	1,8		3,6	0012345678910	0123456789
38	13154188	Nguyễn Duy Trần	DH13OT			2,0	2,5		2,5	0012345678910	0123456789
39	13154201	Trần Anh Tuấn	DH13OT			2,7	3,2		5,9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 39. Số sinh viên vắng: 2.

Ngày 10 Tháng 7 Năm 2016

Ban bộ coi thi 1

Ban bộ coi thi 2

Nguyễn Thanh Dũng

Xác nhận của Bộ Môn

Đỗ Hữu Dũng

Ban Bộ Chấm Thi 1

ThS. Trần Văn Tuấn

Ban Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật sấy (207222) - 001_DH13NL_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 17/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi HD202

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH12CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 10 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12118058	Nguyễn Tấn Lộc	DH12CC			7,0	9,0	7,0	7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12118080	Nguyễn Đức Trọng	DH12CC			9,0	9,0	3,5	4,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12118096	Hồ Trần Trung	DH12CC			9,0	9,0	4,0	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12118103	Tổng Thanh	DH12CC			9,0	9,0	5,5	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13118004	Nguyễn Thế Bảo	DH13CC			7,0	9,0	4,5	5,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118026	Nguyễn Hoàng Linh	DH13CC			9,0	9,0	6,0	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118031	Trương Minh	DH13CC			8,0	9,0	6,5	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118037	Nguyễn	DH13CC			8,0	9,0	3,0	4,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118038	Trần Cảnh	DH13CC			5,0	5,0	8,0	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118043	Ngô Thành	DH13CC			8,0	9,0	6,5	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118046	Kim Thái	DH13CC			9,0	9,0	5,5	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118052	Cao Ngọc	DH13CC			9,0	9,0	8,0	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118053	Trần Thế	DH13CC			9,0	9,0	6,5	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13118056	Vô Đức	DH13CC			7,0	9,0	4,5	5,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118063	Lê Văn	DH13CC			8,0	9,0	6,5	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 05130



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học) Nhóm Kỹ thuật số (207222) - 001_DH13NL_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 17/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi HD202

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp

DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 10 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13118066	Nguyễn Thế Vũ	DH13CC			8,0	9,0	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
17	13118074	Võ Đặng Phạm Anh	DH13CC			7,0	9,0	4,0	4,8	0012345678910	0123456789
18	13118080	Nguyễn Phúc Bạo	DH13CC			9,0	9,0	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
19	13118092	Phạm Hồng Cường	DH13CC			8,0	9,0	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
20	13118100	Trịnh Nguyễn Minh Duy	DH13CC			9,0	9,0	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
21	13118101	Đoàn Quốc Dũng	DH13CC			8,0	9,0	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
22	13118109	Phạm Đại	DH13CC			9,0	9,0	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
23	13118114	Trần Minh Đạt	DH13CC			8,0	8,0	3,5	4,4	0012345678910	0123456789
24	13118120	Trần Cư Được	DH13CC			8,0	9,0	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
25	13118152	Bùi Văn Hội	DH13CC			8,0	9,0	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
26	13118168	Phạm Văn Hùng	DH13CC		✓					0012345678910	0123456789
27	13118170	Huỳnh Minh Kha	DH13CC			9,0	9,0	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
28	13118180	Nguyễn Hồng Khánh	DH13CC			8,0	9,0	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
29	13118183	Trương Nhật Khánh	DH13CC			9,0	9,0	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
30	13118184	Võ Văn Khiêm	DH13CC			8,0	9,0	5,0	5,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05130



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Kỹ thuật sầy (207222) - 001_DH13NL_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 17/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi HD202

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp

DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 10 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13118190	Trần Văn La	DH13CC			9,0	9,0	6,5	7,0	001234567890	0123456789
32	13118202	Nguyễn Tấn Lộc	DH13CC			8,0	9,0	7,0	7,3	001234567890	0123456789
33	13118236	Đặng Đình Phở	DH13CC			9,0	9,0	6,0	6,6	001234567890	0123456789
34	13118238	Hà Thanh Phương	DH13CC			8,0	9,0	6,0	6,5	001234567890	0123456789
35	13118260	Lê Nguyễn Thành Tài	DH13CC			9,5	9,5	8,5	8,7	001234567890	0123456789

Số sinh viên dự thi 34. Số sinh viên vắng: 1...

Ngày 14 Tháng 7 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Phan Minh Khien

Cán bộ coi thi 2

Cao Đức Lợi

Xác nhận của Bộ Môn

TS. Bùi Ngọc Hùng

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Văn Công Chính

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Hữu Hòa

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật xây (207222) - 002 DH13NL 01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi **17/06/2016**

Giờ Thi: 14:45

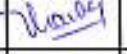
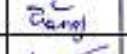
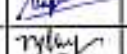
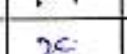
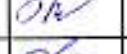
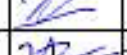
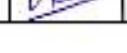
Phòng Thi TV101

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp

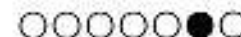
DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 10 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13118266	Huỳnh Thanh Tâm	DH13CC			9,0	8,0	9,5	9,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13118267	Trương Minh Tâm	DH13CC			9,0	9,0	7,5	7,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13118278	Huỳnh Ngọc Thạch	DH13CC			8,0	9,0	9,5	9,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13118298	Nguyễn Văn Tiến	DH13CC			8,0	8,0	8,0	8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13118308	Phạm Văn Tráng	DH13CC			9,0	8,0	7,0	7,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13118323	Bùi Văn Truyền	DH13CC			8,0	9,0	5,5	6,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13118326	Nguyễn Nhật Trường	DH13CC			8,0	9,0	2,5	3,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13118333	Nguyễn Anh Tuấn	DH13CC			9,0	9,0	5,0	5,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13118338	Phạm Minh Tuấn	DH13CC			8,0	8,0	4,0	4,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13118344	Bùi Văn Tú	DH13CC			7,0	8,0	4,0	4,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13118347	Mai Hoài Tụ	DH13CC			9,0	9,0	3,5	4,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13118353	Hoàng Đức Vũ	DH13CC			7,0	8,0	5,0	5,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13118365	Trần Văn Tịnh	DH13CC			9,0	9,0	7,0	7,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13137001	Nguyễn Duy Hận	DH13NL			5,0	5,0	2,5	3,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13137006	Mai Thế Anh	DH13NL			8,0	8,0	3,5	4,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 05131



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật sấy (207222) - 002_DH13NL_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 17/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV101

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp

DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 Đ. %	D2 Đ. %	D. Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13137008	Vũ Tuấn Anh	DH13NL			8,0	9,0	4,0	4,9	0012345678910	0123456789
17	13137015	Phạm Thái Minh	DH13NL			5,0	5,0	5,0	5,0	0012345678910	0123456789
18	13137019	Nguyễn Văn Bình	DH13NL			8,0	8,0	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
19	13137029	Lê A	DH13NL			7,0	8,0	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
20	13137036	Trần Khánh Duy	DH13NL			8,0	9,0	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
21	13137047	Nguyễn Thành Đạt	DH13NL			5,0	5,0	5,5	5,4	0012345678910	0123456789
22	13137051	Nguyễn Hoàng Giang	DH13NL			8,0	8,0	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
23	13137054	Ngô Hữu Hậu	DH13NL			5,0	5,0	4,0	4,2	0012345678910	0123456789
24	13137058	Mai Hoàng Hiệp	DH13NL			8,0	9,0	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
25	13137079	Phan Đăng Tuấn	DH13NL			7,0	9,0	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
26	13137083	Chu Bá Hoàng	DH13NL			8,0	9,0	4,0	4,9	0012345678910	0123456789
27	13137096	Lưu Thiện Ngún	DH13NL			8,0	9,0	3,0	4,1	0012345678910	0123456789
28	13137097	Đặng Nguyễn	DH13NL			9,0	8,0	4,0	4,9	0012345678910	0123456789
29	13137100	Đinh Mai Nhật	DH13NL			8,0	9,0	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
30	13137101	Nguyễn Đình Nhu	DH13NL		✓					0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05131



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật sấy (207222) - 002_DH13NL_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 17/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV101

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

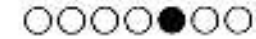
Trang 3

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 10 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13137103	Nguyễn Tăng Phát	DH13NL	Phát		8,0	8,0	3,0	4,0	001234567890	0123456789
32	13137105	Nguyễn Thanh Phong	DH13NL	phong		8,0	9,0	7,0	7,3	001234567890	0123456789
33	13137109	Bùi Văn Phúc	DH13NL	phuc		7,0	9,0	4,0	4,8	001234567890	0123456789
34	13137110	Nguyễn Minh Phúc	DH13NL	phuc		8,0	9,0	5,5	6,1	001234567890	0123456789
35	13137111	Nguyễn Quốc Phúc	DH13NL	phuc		8,0	8,0	6,5	6,8	001234567890	0123456789
36	13137112	Nguyễn Minh Quan	DH13NL	quan		7,0	8,0	7,0	7,1	001234567890	0123456789
37	13137119	Nguyễn Hải Sơn	DH13NL	Son		8,0	8,0	3,0	4,0	001234567890	0123456789
38	13137120	Trần Văn Sơn	DH13NL	✓	✓					001234567890	0123456789
39	13137123	Nguyễn Đức Tâm	DH13NL	tam		8,0	9,0	4,0	4,9	001234567890	0123456789
40	13137124	Vũ Đức Tân	DH13NL	tan		7,0	9,0	4,0	4,8	001234567890	0123456789
41	13137128	Phan Lê Ngọc Thảo	DH13NL	thao		8,0	8,0	5,0	5,6	001234567890	0123456789
42	13137131	Lê Hoàng Thắng	DH13NL	thuat		7,0	8,0	4,5	5,1	001234567890	0123456789
43	13137138	Phạm Ngọc Thiện	DH13NL	thien		8,0	8,0	6,5	6,8	001234567890	0123456789
44	13137147	Phạm Thế Tuấn	DH13NL	tuyn		7,0	9,0	3,5	4,4	001234567890	0123456789
45	13137151	Lê Minh Trí	DH13NL	tri		8,0	9,0	4,0	4,9	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05131



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật sấy (207222) - 002_DH13NL_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 17/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV101

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 10 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	13137152	Trần Anh Tri	DH13NL			7,0	8,0	5,5	5,9	0001234567890	0123456789
47	13137157	Đoàn Nhật Tú	DH13NL			7,0	8,0	7,5	7,5	0001234567890	0123456789

Số sinh viên dự thi: 45 Số sinh viên vắng: 2

Ngày 14 Tháng 7 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Lê Khắc Quý

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thanh Dũng

Xác nhận của Bộ Môn

TS. Bùi Ngọc Hùng

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Văn Công Chính

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Hữu Hòa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207226) - 01

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	11118010	KASEUTHSOUK SENGALOUN	DH11CC						7,8	○○○1234567890	○123456789
2	11119006	Trần Vũ Ngân	DH11CC							●○○1234567890	○123456789
3	12118002	Bùi Văn Hải	DH12CC						8,6	○○○1234567890	○123456789
4	12118008	Lương Hữu Minh	DH12CC						9,0	○○○1234567890	●123456789
5	12118015	Nguyễn Hữu Chiến	DH12CC						8,4	○○○1234567890	○123456789
6	12118021	Bùi Xuân Lâm	DH12CC						8,0	○○○1234567890	●123456789
7	12118023	Thân Thiện Tân	DH12CC						8,8	○○○1234567890	○123456789
8	12118042	Nguyễn Dương Hoàng Huy	DH12CC						8,8	○○○1234567890	○123456789
9	12118058	Nguyễn Tấn Lộc	DH12CC						8,2	○○○1234567890	○123456789
10	12118062	Võ Thanh Mệnh	DH12CC						8,6	○○○1234567890	○123456789
11	12118063	Lê Minh Nam	DH12CC						8,2	○○○1234567890	○123456789
12	12118068	Võ Văn Nhân	DH12CC						8,4	○○○1234567890	○123456789
13	12118075	Lương Quốc Quân	DH12CC						9,0	○○○1234567890	●123456789
14	12118077	Trần Thanh Vũ	DH12CC						9,1	○○○1234567890	○123456789
15	12118084	Trần Quang Hưng	DH12CC						8,5	○○○1234567890	○123456789
16	12118096	Hồ Trần Trung Trí	DH12CC						8,0	○○○1234567890	●123456789
17	12118099	Tạ Quang Tuấn	DH12CC						8,6	○○○1234567890	○123456789
18	12118101	Nguyễn Thanh Tùng	DH12CC						8,1	○○○1234567890	○123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207226) - 01

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	12118103	Tổng Thanh Vinh	DH12CC						9,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12118105	Nguyễn Thanh Vinh	DH12CC						8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12118109	Vũ Như Khải	DH12CC						8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12118111	Lê Minh Hải	DH12CC						8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12118114	Tô Ngọc Quang	DH12CC						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12118117	Nguyễn Huỳnh Tú Uyên	DH12CC						9,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Bh
Bùi Ngọc Hằng

Le Anh Đức
Lê Anh Đức

Nguyễn Văn Công Chính
Nguyễn Văn Công Chính